

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN KHUYẾN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
1	100179	HỒ LÊ HÀO	25/10/2005	Nam	1	31.25	
2	100426	TRƯƠNG NGUYỄN TUẤN NGỌC	07/02/2005	Nam	1	31.25	
3	100434	LUYỆN ĐỨC NGUYỄN	25/04/2005	Nam	2	36	
4	100713	HUỲNH HUY TRÍ	22/09/2005	Nam	2	35.75	
5	100843	LÊ NGỌC VÂN ANH	20/09/2005	Nữ	1	34.75	
6	101163	NGUYỄN TRẦN KÝ	13/08/2005	Nam	1	28.25	
7	101199	LÊ THÀNH LONG	23/05/2005	Nam	3	31.25	
8	102526	LÝ NGỌC BỘI	13/12/2005	Nữ	1	35.25	
9	103738	BÙI ĐỨC PHƯỚC	21/12/2005	Nam	1	28.5	
10	103975	TRẦN THỊ THIÊN ÂN	28/06/2005	Nữ	1	40	
11	103977	VÕ HỒ THIÊN ÂN	17/06/2005	Nam	2	32	
12	104015	NGUYỄN HUỲNH PHƯƠNG ANH	13/01/2005	Nữ	2	30.75	
13	104050	TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH	05/09/2005	Nữ	1	34.5	
14	104086	NGUYỄN TRẦN QUỐC BẢO	15/12/2005	Nam	1	32.75	
15	104103	NGUYỄN VŨ DUY BÌNH	28/07/2005	Nam	2	32.25	
16	104104	PHẠM THANH BÌNH	18/07/2005	Nam	2	36.5	
17	104164	NGÔ MINH ĐỨC	30/07/2005	Nam	1	32.25	
18	104179	LƯƠNG THỊ ÁNH DƯƠNG	12/02/2005	Nữ	2	33.75	
19	104211	ĐINH ĐỖ HOÀNG HÀ	01/10/2005	Nữ	2	29	
20	104216	LƯƠNG NHẬT HẠ	08/06/2005	Nữ	1	34.75	
21	104222	CHUNG NGỌC HÂN	08/07/2005	Nữ	1	35.5	
22	104231	NGUYỄN GIA HÂN	06/10/2005	Nữ	1	33.25	
23	104233	NGUYỄN NGHI HÂN	06/10/2005	Nữ	1	28.5	
24	104270	NGUYỄN HOÀNG HIỆP	14/01/2005	Nam	1	36.75	
25	104271	TÔN THẤT MINH HIỆP	17/11/2005	Nam	1	30.75	
26	104272	NGUYỄN HIẾU	12/07/2005	Nam	1	38	
27	104305	ĐINH CAO HÙNG	20/09/2005	Nam	1	31	
28	104332	LÝ GIA HUY	03/10/2005	Nam	1	31	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN KHUYẾN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
29	104362	TRẦN HỒ ĐĂNG KHA	21/02/2005	Nam	1	28.75	
30	104374	LÊ HUY ANH KHANG	08/05/2005	Nam	1	36.75	
31	104419	ĐỖ HOÀNG ĐĂNG KHOA	03/09/2005	Nam	1	33.5	
32	104436	TRẦN VID ĐĂNG KHOA	09/03/2005	Nam	1	33.25	
33	104440	HUỖNH LÊ ANH KHÔI	22/10/2005	Nam	1	31.75	
34	104452	TRẦN ĐÌNH KHÔI	21/12/2005	Nam	1	28	
35	104463	NGUYỄN VÕ THẾ KIẾT	09/09/2005	Nam	1	29.75	
36	104467	HÀNG BẢO KIM	10/07/2005	Nữ	2	33.5	
37	104495	HUỖNH GIANG NGỌC LIÊN	07/11/2005	Nữ	1	29.5	
38	104496	ĐẶNG KHÁNH LINH	11/05/2005	Nữ	2	35.75	
39	104543	PHÙNG CHI MAI	11/05/2005	Nữ	1	27.5	
40	104575	VÕ ĐỨC MINH	24/01/2005	Nam	2	29.75	
41	104591	ĐẶNG BÁ ĐẠI NAM	11/05/2005	Nam	2	37.25	
42	104601	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NAM	29/10/2005	Nữ	1	27.5	
43	104622	BÙI HỒNG PHƯƠNG NGHI	07/12/2005	Nữ	1	33.5	
44	104639	TRƯƠNG NHÃ NGHI	31/12/2005	Nữ	1	27.75	
45	104645	THÁI PHONG NGHĨA	29/08/2005	Nam	1	37	
46	104651	NGÔ NGUYỄN BẢO NGỌC	18/04/2005	Nữ	1	40.75	
47	104653	NGUYỄN HUỖNH BẢO NGỌC	07/07/2005	Nữ	1	35.5	
48	104702	ĐỖ NGỌC PHƯƠNG NHI	01/06/2005	Nữ	2	32.75	
49	104703	ĐỖ UYÊN NHI	30/12/2005	Nữ	2	31	
50	104704	LÊ HOÀNG THẢO NHI	13/04/2005	Nữ	1	29.75	
51	104753	NGUYỄN TẤN PHÁT	21/10/2005	Nam	1	33.25	
52	104768	PHẠM HOÀNG THIÊN PHÚ	25/05/2004	Nam	1	36.25	
53	104785	TRẦN THIÊN PHÚC	28/07/2005	Nam	1	32.75	
54	104789	TIÊU HỒNG KIM PHỤNG	15/09/2005	Nữ	1	33	
55	104794	NGUYỄN LÊ PHƯỚC	09/09/2005	Nam	1	35.5	
56	104812	NGUYỄN GIA PHƯỢNG	27/07/2005	Nữ	1	35	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN KHUYẾN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
57	104898	PHẠM QUỐC THANH	10/10/2005	Nam	2	34	
58	104904	NGÔ TẤN THÀNH	29/09/2005	Nam	1	32.25	
59	104911	ĐỖ NGỌC THẢO	26/10/2005	Nữ	1	28.75	
60	104951	ĐỖ NHẬT ANH THƯ	12/12/2005	Nữ	1	35.25	
61	104957	NGUYỄN ĐÀO ANH THƯ	30/09/2005	Nữ	1	29.5	
62	104982	LÊ LƯU KIM THỦY	10/03/2005	Nữ	1	33.75	
63	105015	NGUYỄN KHẮC BẢO TOÀN	26/08/2005	Nam	2	36.5	
64	105037	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂN	03/09/2005	Nữ	1	39.25	
65	105044	TRẦN LÂM BẢO TRÂN	25/05/2005	Nữ	2	31.5	
66	105053	DƯƠNG ĐÌNH TRI	16/08/2005	Nam	2	28	
67	105069	ĐỖ TRUNG NHẬT TRIỀU	19/02/2005	Nam	1	28.25	
68	105075	NGUYỄN XUÂN TRÌNH	30/09/2005	Nam	1	29	
69	105083	NGUYỄN ĐÌNH THANH TRÚC	16/12/2005	Nữ	1	31.25	
70	105151	NGUYỄN HỮU VINH	14/11/2005	Nam	2	34.75	
71	105346	NGUYỄN QUỲNH THIÊN ÂN	17/04/2005	Nữ	2	33.25	
72	105362	HOÀNG QUỐC ANH	12/02/2005	Nam	1	28.25	
73	105363	HOÀNG QUỲNH ANH	05/05/2005	Nữ	1	30.75	
74	105366	LÊ THÙY ANH	20/02/2005	Nữ	1	29.75	
75	105380	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG ANH	12/04/2005	Nữ	1	33.25	
76	105397	TRẦN NGỌC PHƯƠNG ANH	15/08/2005	Nữ	1	35.5	
77	105440	DƯƠNG ĐẶNG KIM CHÂU	12/10/2005	Nữ	1	34	
78	105447	TRẦN NGỌC CHÂU	12/09/2005	Nữ	1	37.25	
79	105530	HUỲNH NGỌC HÀ	01/06/2005	Nữ	1	30.25	
80	105541	LÊ HOÀNG HẢI	08/09/2005	Nam	2	34.5	
81	105549	HUỲNH NGỌC GIA HÂN	07/04/2005	Nữ	2	33.75	
82	105600	PARK HYUN HOO	30/01/2005	Nam	1	39.5	
83	105609	NGUYỄN PHÚ HÙNG	04/09/2005	Nam	1	37.25	
84	105664	NGUYỄN ANH KHANG	15/02/2005	Nam	1	34.5	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN KHUYẾN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
85	105678	HỒ VĂN KHÁNH	23/10/2005	Nam	1	28.75	
86	105703	NGUYỄN PHÚ ĐĂNG KHOA	27/07/2005	Nam	1	33.75	
87	105748	NGUYỄN TRÍ KIỆT	21/10/2005	Nam	1	35.75	
88	105762	NGUYỄN VŨ THANH LAM	01/05/2005	Nữ	2	34.5	
89	105805	NGUYỄN HUỲNH LONG	01/03/2005	Nam	1	35	
90	105827	TRẦN MINH Mẫn	22/08/2005	Nam	1	33	
91	105875	TRẦN ĐẶNG THÀNH NAM	01/06/2005	Nam	2	28	
92	105914	HUỲNH THỊ BẢO NGỌC	26/09/2005	Nữ	2	32.5	
93	105953	NGUYỄN TRUNG NHẬT	13/07/2005	Nam	1	28.5	
94	105999	TRẦN ĐOÀN MINH NHƯ	13/07/2005	Nữ	1	30.5	
95	106030	ĐỖ TRẦN MINH PHÚC	19/09/2005	Nữ	2	36.25	
96	106033	LÂM TIẾN PHÚC	25/08/2005	Nam	1	31.5	
97	106080	NGUYỄN MINH QUÂN	26/09/2005	Nam	1	31.75	
98	106092	TẠ NHẬT NAM QUANG	01/06/2005	Nam	1	35.5	
99	106119	PHẠM NGUYỄN THANH SANG	31/05/2005	Nam	1	39	
100	106166	NGUYỄN VĂN THẮNG	18/04/2005	Nam	2	37.75	
101	106168	NGUYỄN HUY THANH	27/02/2005	Nam	1	36.75	
102	106173	LÊ HỮU THÀNH	01/08/2005	Nam	1	35.25	
103	106192	NGUYỄN TRẦN MAI THI	04/12/2005	Nữ	2	36	
104	106193	PHAN CHÂU YẾN THI	28/10/2005	Nữ	1	35.75	
105	106194	HOÀNG LÊ MINH AN THIÊN	13/01/2005	Nam	1	31.5	
106	106199	NGUYỄN VĨNH THIỆU	31/08/2005	Nam	1	30.5	
107	106201	ĐOÀN DUY THỊNH	06/09/2005	Nam	2	35	
108	106214	ĐỖ THỊ ANH THƯ	13/10/2005	Nữ	1	35.75	
109	106236	TRƯƠNG VŨ ANH THƯ	25/08/2005	Nữ	1	29	
110	106278	TRẦN NGỌC QUỲNH TRÂM	20/06/2005	Nữ	1	32.5	
111	106302	TRẦN NGUYỄN THU TRANG	15/10/2005	Nữ	1	35.25	
112	106305	HUỲNH LÊ MINH TRÍ	04/04/2005	Nam	1	35.25	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN KHUYẾN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
113	106318	NGUYỄN NGỌC MAI TRINH	14/08/2005	Nữ	1	31.25	
114	106403	ĐÀO TRỌNG NGUYỄN VŨ	30/08/2005	Nam	1	29.75	
115	106419	NGUYỄN HÀ THẢO VY	23/09/2005	Nữ	2	33	
116	106423	NGUYỄN KHÁNH VY	24/06/2005	Nữ	1	35.75	
117	106448	PHAN HỒNG YẾN	07/09/2005	Nữ	1	36.75	
118	106492	TRẦN MẠCH GIA BẢO	21/04/2005	Nam	1	29.25	
119	107753	CHUNG QUÝ AN	29/05/2005	Nam	1	36.25	
120	107779	HUỲNH ĐỨC ANH	09/06/2005	Nam	2	30	
121	107780	HUỲNH NGỌC KIM ANH	26/06/2005	Nữ	1	34.25	
122	107813	TRẦN LAN ANH	19/03/2005	Nữ	1	34	
123	107875	NGUYỄN NGỌC MINH CHI	23/07/2005	Nữ	2	30.5	
124	107913	HÀU QUANG DINH	15/03/2005	Nam	1	32.5	
125	107946	BÙI NGUYỄN HOÀNG DUY	12/07/2005	Nam	2	32.25	
126	107952	NGUYỄN TRỌNG DUY	18/05/2005	Nam	1	30	
127	107965	TRẦN LÊ KHÁNH GIANG	01/06/2005	Nữ	2	33	
128	107997	TRẦN MỸ HÂN	08/03/2005	Nữ	2	31.25	
129	108008	HUỲNH NHẬT HÀO	14/07/2005	Nam	1	30.5	
130	108010	LÊ DƯƠNG TUẤN HÀO	23/08/2005	Nam	1	34.5	
131	108060	TRƯƠNG QUỐC HÙNG	26/07/2005	Nam	2	31.25	
132	108070	VÕ QUỐC HÙNG	26/09/2005	Nam	2	32.75	
133	108072	HỒ MAI HƯƠNG	29/01/2005	Nữ	2	36	
134	108125	LÊ NGUYỄN GIA KHANG	06/11/2005	Nam	2	30	
135	108148	NGUYỄN NGỌC VÂN KHÁNH	21/06/2005	Nữ	1	31.75	
136	108198	NGUYỄN PHÚC NHƯ KHƯƠNG	24/04/2005	Nữ	2	33.25	
137	108205	LÊ GIA KIỆT	02/03/2005	Nam	2	31.25	
138	108275	HỒ TUẤN MÃN	26/10/2005	Nam	1	39	
139	108310	LÊ HOÀNG MỸ	15/07/2005	Nữ	1	32	
140	108312	NGUYỄN HUỲNH MỸ MỸ	04/09/2005	Nữ	1	40.75	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN KHUYẾN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
141	108323	TRẦN LÊ HẢI NAM	18/02/2005	Nam	2	34	
142	108330	LÊ THỊ KIM NGÂN	05/06/2005	Nữ	1	28.5	
143	108334	THẠCH KIM NGÂN	12/10/2005	Nữ	2	34.5	
144	108339	ĐỖ VĨ NGẠN	01/09/2005	Nam	1	32.25	
145	108355	TRƯƠNG BẢO NGHI	29/10/2005	Nữ	1	30	
146	108392	LƯU NGUYỄN BÌNH NGUYÊN	28/01/2005	Nam	1	30	
147	108415	NGUYỄN MINH NHÂN	07/11/2005	Nam	1	28.5	
148	108439	TRẦN THỊ THANH NHI	26/11/2005	Nữ	1	27.75	
149	108488	LIÊU CHÍ PHONG	18/05/2005	Nam	1	30.75	
150	108527	NGUYỄN NHẬT YẾN PHỤNG	04/10/2005	Nữ	2	34	
151	108533	TRẦN MINH PHƯỚC	21/10/2005	Nam	1	28.5	
152	108545	TRẦN NHƯ PHƯƠNG	11/06/2005	Nữ	1	28.75	
153	108572	LƯƠNG MỸ QUYÊN	12/04/2005	Nữ	1	35.5	
154	108576	TRẦN PHƯƠNG QUYÊN	02/07/2005	Nữ	1	30	
155	108587	VÕ NGỌC DIỄM QUỲNH	08/10/2005	Nữ	1	36.25	
156	108590	TĂNG VY SAN	18/01/2005	Nữ	1	40.5	
157	108591	TRẦN TUỆ SAN	05/05/2005	Nữ	1	30.5	
158	108602	VÕ HOÀNG SƠN	01/09/2005	Nam	1	32.75	
159	108673	HUỲNH HIẾU THÊM	05/01/2005	Nam	2	33	
160	108687	NGUYỄN HỮU THỊNH	25/05/2005	Nam	2	36.75	
161	108693	VÕ ĐẶNG GIA THỊNH	01/05/2005	Nam	1	29.25	
162	108701	LÊ HOÀNG THÔNG	11/03/2005	Nam	1	36.5	
163	108774	TRƯƠNG NGUYỄN KIỀU TRÂM	08/06/2005	Nữ	1	27.5	
164	108778	LÂM NGỌC TRÂN	01/05/2005	Nữ	2	35.5	
165	108788	LÊ THỊ ĐOAN TRANG	26/11/2005	Nữ	2	29	
166	108800	PHẠM ĐĂNG TRÍ	13/01/2005	Nam	1	35.5	
167	108831	THI HÂN TÚ	29/05/2005	Nữ	2	29.25	
168	108864	LƯƠNG THANH VÂN	17/08/2005	Nữ	1	33	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN KHUYẾN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
169	108892	LƯƠNG QUANG VŨ	25/10/2005	Nam	1	32.25	
170	108930	LÊ HỒNG YẾN	06/12/2005	Nữ	1	30	
171	109032	PHẠM VĂN MINH BẢO	28/04/2005	Nam	2	28.75	
172	109100	NGUYỄN PHƯƠNG ĐẠT	29/09/2005	Nam	1	28	
173	109187	TĂNG THANH HÀ	10/08/2005	Nữ	1	32	
174	109209	PHẠM DIỆU BẢO HÂN	08/11/2005	Nữ	2	29	
175	109267	NGUYỄN NGỌC HOAN	15/07/2005	Nữ	1	36.25	
176	109333	NGUYỄN QUỐC HUY	07/04/2005	Nam	2	32.5	
177	109575	NGUYỄN NHẬT MINH	14/02/2005	Nam	2	28.75	
178	109647	TRỊNH HOÀNG VỆ NGHI	07/05/2005	Nữ	1	35	
179	109769	VŨ TRẦN YẾN NHI	13/01/2005	Nữ	1	35.5	
180	109797	VÕ NGỌC NHƯ	08/08/2005	Nữ	1	39	
181	109850	LÝ VĂN TRƯỜNG PHÚ	17/09/2005	Nam	1	28.75	
182	109887	HỒ NGỌC THANH PHƯƠNG	21/07/2005	Nữ	2	34	
183	109910	NHAN NHƯ QUÂN	20/05/2005	Nữ	1	33	
184	109976	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	07/01/2005	Nữ	1	36.5	
185	110042	NGUYỄN NAM THỊNH	05/12/2005	Nam	1	39	
186	110120	CHÂU TRỌNG TOẢN	20/10/2005	Nam	1	34.5	
187	110193	THÁI TUẤN	03/12/2005	Nam	2	33	
188	110222	TRỊNH KHẢ VÂN	18/06/2005	Nữ	1	33.25	
189	111287	NGUYỄN MINH TIẾN	16/06/2005	Nam	2	36.5	
190	113363	BÙI ANH PHÚC	05/10/2005	Nam	2	32.5	
191	114171	NGUYỄN TRỌNG TOÀN	18/09/2005	Nam	2	34.5	
192	115527	NGUYỄN BÙI THÙY DUYÊN	17/08/2005	Nữ	2	31.75	
193	115581	TRẦN QUANG HUY	21/02/2005	Nam	1	30	
194	115585	PHAN QUANG KHẢI	30/12/2005	Nam	1	32.5	
195	115623	NGUYỄN TẤN LỘC	09/02/2005	Nam	1	36.75	
196	115655	NGUYỄN HUỲNH BẢO NGHI	23/09/2005	Nữ	1	28.5	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN KHUYẾN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
197	116014	NGUYỄN NGỌC HÀ	10/04/2005	Nữ	1	44.25	
198	116099	CHIÊU BẢO KHANG	19/07/2005	Nam	1	30.75	
199	116222	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	21/03/2005	Nữ	1	34.25	
200	116274	ĐẶNG THANH NHI	13/09/2005	Nữ	1	31.75	
201	116311	NGUYỄN ĐỨC PHÁT	09/03/2005	Nam	1	36.25	
202	116365	PHẠM CAO MINH QUÂN	14/10/2005	Nam	1	31	
203	116379	LƯƠNG THỊ DIỄM QUỲNH	31/10/2005	Nữ	2	29	
204	116390	NGUYỄN DƯƠNG THÁI SANG	15/04/2005	Nam	1	28	
205	116527	LÝ NGỌC PHƯƠNG TRÚC	04/11/2005	Nữ	1	32.25	
206	116716	TẶNG TRẦN KHÁNH DUNG	01/04/2005	Nữ	1	39	
207	117310	TRƯƠNG KHÁNH HÀ	17/11/2005	Nữ	1	33	
208	117449	TRẦN PHẠM MINH MẶN	18/03/2005	Nam	1	31.25	
209	117771	LÂM HỒNG VY	20/05/2005	Nữ	1	30.75	
210	117964	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	20/02/2005	Nam	1	34.5	
211	118079	NGUYỄN NGỌC NHI	06/02/2005	Nữ	1	34	
212	118106	TRẦN NGỌC KIỀU OANH	07/09/2005	Nữ	1	38.75	
213	118244	PHẠM NGỌC UYÊN THY	15/01/2005	Nữ	1	34.5	
214	118246	TRẦN BẢO THY	17/03/2005	Nữ	1	33.75	
215	118248	VŨ NGUYỄN MAI THY	18/05/2005	Nữ	1	35.25	
216	118348	TRẦN NGỌC KHÁNH VY	16/05/2005	Nữ	1	32.25	
217	120920	HỒ MINH TRÍ DŨNG	12/02/2005	Nam	2	33.25	
218	121611	TRẦN NHẬT AN	05/09/2005	Nam	1	37.5	
219	121616	NGUYỄN LÊ HỒNG ÂN	15/11/2005	Nữ	1	28.75	
220	121617	PHẠM THIÊN ÂN	10/11/2005	Nam	1	34.5	
221	121620	ĐẶNG NGUYỄN KIM ANH	18/03/2005	Nữ	2	29	
222	121622	ĐOÀN LÊ PHƯƠNG ANH	22/01/2005	Nữ	1	32.5	
223	121629	NGUYỄN BÁ HUY ANH	11/02/2005	Nam	1	34	
224	121632	NGUYỄN HOÀNG ANH	01/12/2005	Nam	2	29	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN KHUYẾN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
225	121644	PHAN NGUYỄN QUỲNH ANH	17/05/2005	Nữ	2	29.25	
226	121646	TRẦN LÊ PHƯƠNG ANH	26/08/2005	Nữ	1	29.25	
227	121659	ĐINH THIÊN BẢO	30/10/2005	Nam	1	34.25	
228	121662	NGUYỄN NGỌC THIÊN BẢO	21/11/2005	Nữ	1	38.5	
229	121674	NGUYỄN QUỲNH ĐAO	23/04/2005	Nữ	2	29	
230	121675	CAO HỒNG ĐẠT	25/08/2005	Nam	1	39.25	
231	121678	LẠI QUỐC ĐẠT	01/01/2005	Nam	1	29	
232	121686	VĂN HỒNG ĐẠT	23/06/2005	Nam	1	31.75	
233	121689	TRẦN MINH ĐIỆP	20/10/2005	Nữ	1	38.25	
234	121690	BÙI THỊ THIÊN DIỆU	18/03/2005	Nữ	1	34	
235	121693	NGUYỄN HOÀNG ĐỨC	10/03/2005	Nam	2	28.75	
236	121698	NGUYỄN KHÁNH DƯƠNG	08/10/2005	Nam	1	34.25	
237	121699	NGUYỄN THANH DƯƠNG	09/04/2005	Nam	1	32.5	
238	121702	NGUYỄN NGỌC DUY	19/02/2005	Nam	1	32.25	
239	121708	TĂNG THANH HÀ	08/02/2005	Nữ	2	35	
240	121709	LÊ HÀ THANH HẢI	24/12/2005	Nữ	2	38	
241	121710	NGUYỄN QUANG HẢI	05/08/2005	Nam	1	27.5	
242	121717	VŨ THỊ NGỌC HÂN	21/01/2005	Nữ	2	37.25	
243	121718	TRẦN PHÚC MINH HẠNH	29/10/2005	Nữ	1	32	
244	121719	NGÔ DƯƠNG HÀO	22/07/2005	Nam	1	36.5	
245	121720	NGUYỄN MINH HÀO	03/09/2005	Nam	1	35.75	
246	121731	LA THỊ LAN HƯƠNG	21/06/2005	Nữ	1	38.25	
247	121732	TRẦN QUỲNH HƯƠNG	24/08/2005	Nữ	1	40.25	
248	121742	PHẠM PHAN QUỐC HUY	17/08/2005	Nam	1	34.5	
249	121745	TRẦN LÂM NHẬT HUY	14/09/2005	Nam	1	36	
250	121759	NGUYỄN HOÀNG KHANG	14/11/2005	Nam	1	29.5	
251	121766	PHAN VŨ KHANH	05/08/2005	Nam	1	31	
252	121769	ĐỖ CÔNG ĐĂNG KHOA	07/03/2005	Nam	2	36	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN KHUYẾN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
253	121770	HUỲNH NGUYỄN ĐĂNG KHOA	28/07/2005	Nam	1	33.5	
254	121774	NGUYỄN XUÂN KHOA	10/05/2005	Nam	1	29.5	
255	121776	NGUYỄN HOÀNG KHÔI	14/11/2005	Nam	1	32	
256	121780	HUỲNH KIM BẢO KHƯƠNG	12/08/2005	Nữ	2	36.5	
257	121783	NGUYỄN TRẦN MINH KIÊN	08/04/2005	Nam	1	27.5	
258	121792	PHAN ANH KIẾT	02/04/2005	Nam	1	33	
259	121793	TRẦN ANH KIẾT	02/07/2005	Nam	1	28.25	
260	121795	HOÀNG THIÊN KIM	16/10/2005	Nữ	1	30.5	
261	121796	LÊ THIÊN KIM	05/10/2005	Nữ	1	29	
262	121799	ĐỖ NGUYỄN YÊN LAM	12/01/2005	Nữ	1	28	
263	121803	CAO NHẬT LÂM	10/09/2005	Nam	1	37	
264	121805	PHẠM HOÀNG LÂM	03/04/2005	Nam	1	34	
265	121807	CAO HOÀNG NGỌC LINH	21/10/2005	Nữ	1	34.5	
266	121808	NGUYỄN HOÀNG ÁNH LINH	10/06/2005	Nữ	1	31	
267	121812	HOÀNG ANH LONG	27/03/2005	Nam	1	32.5	
268	121814	NGUYỄN HUỲNH LONG	17/06/2005	Nam	1	38.25	
269	121823	LÊ NGUYỄN ĐỨC MINH	11/03/2005	Nam	1	30	
270	121827	NGUYỄN TRẦN THIÊN MINH	22/08/2004	Nam	1	27.5	
271	121829	TRẦN XUÂN MINH	08/09/2005	Nam	1	38.25	
272	121831	DƯƠNG TRÀ MY	11/06/2005	Nữ	1	40.5	
273	121835	NGUYỄN PHÚC THẢO MY	06/06/2005	Nữ	1	29.25	
274	121841	HUỲNH NGỌC NGA	01/12/2005	Nữ	1	38.75	
275	121860	TRẦN NGỌC PHƯƠNG NGHI	14/09/2005	Nữ	1	31	
276	121862	LÊ TRẦN NGHĨA	28/11/2005	Nam	1	29.25	
277	121867	LÊ THỊ HỒNG NGỌC	03/06/2005	Nữ	1	28	
278	121874	THÁI HOÀI NHƯ NGỌC	27/11/2005	Nữ	1	40	
279	121877	TRẦN KHANG BẢO NGỌC	18/11/2005	Nữ	1	37.25	
280	121886	PHẠM SĨ NGUYỄN	06/06/2005	Nam	1	30.25	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN KHUYẾN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
281	121889	VÕ KHÔI NGUYỄN	17/11/2005	Nam	1	35.75	
282	121895	CHÂU THÀNH NHÂN	01/10/2005	Nam	1	34.25	
283	121896	CHU NGUYỄN THIỆN NHÂN	31/10/2005	Nam	1	30.75	
284	121899	NGUYỄN TRUNG NHÂN	17/11/2005	Nam	1	28	
285	121904	NGUYỄN MINH NHẬT	02/06/2005	Nam	1	37.75	
286	121911	LÊ UYÊN NHI	04/02/2005	Nữ	1	32	
287	121920	TRẦN NGỌC BẢO NHI	11/10/2005	Nữ	1	31.75	
288	121925	LÊ HÀ QUỲNH NHƯ	28/08/2005	Nữ	1	36	
289	121932	NGUYỄN NGỌC HOÀNG NHUNG	08/01/2005	Nữ	1	33	
290	121935	HOÀNG LÊ PHAN	12/10/2005	Nam	1	32.5	
291	121942	TRƯƠNG VỸ PHONG	29/04/2005	Nam	1	30.5	
292	121949	LÊ NHỰT PHÚC	14/08/2005	Nam	1	39.5	
293	121950	NGUYỄN ANH PHÚC	25/09/2005	Nam	1	39	
294	121957	TÙ HOÀNG GIA PHÚC	06/04/2005	Nam	2	39	
295	121958	GIANG TÚ PHỤNG	28/10/2005	Nữ	1	31	
296	121960	TRẦN BẢO PHƯỚC	23/09/2005	Nam	1	32.25	
297	121964	NGUYỄN NHỰT HÀ PHƯƠNG	01/10/2005	Nữ	1	29.5	
298	121969	TRẦN NGỌC NAM PHƯƠNG	22/02/2005	Nữ	1	38.5	
299	121972	NGUYỄN DƯƠNG MINH QUÂN	08/12/2005	Nam	1	29.75	
300	121983	NGUYỄN THANH HOÀNG QUÝ	21/09/2005	Nam	1	30.25	
301	121986	NGUYỄN NHỰT HÀ QUYÊN	01/10/2005	Nữ	1	28	
302	121992	TRẦN VŨ NGỌC QUỲNH	02/09/2005	Nữ	1	36.5	
303	121993	TRẦN VŨ TÚ QUỲNH	02/09/2005	Nữ	1	33.5	
304	121995	PHẠM SAN SAN	24/07/2005	Nữ	1	41	
305	121997	NGUYỄN NGỌC VŨ SANG	17/05/2005	Nam	1	37	
306	122001	NGUYỄN ĐOÀN THANH SƠN	29/06/2005	Nam	1	29	
307	122013	TRẦN DUY TÂN	29/11/2005	Nam	1	35	
308	122014	HUỲNH HỒNG NGỌC THẠCH	11/05/2005	Nam	1	30	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN KHUYẾN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
309	122024	NGUYỄN MINH THÀNH	18/08/2005	Nam	1	30.5	
310	122032	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG THẢO	30/10/2005	Nữ	1	42.25	
311	122035	PHAN PHƯƠNG THẢO	16/08/2005	Nữ	1	36.5	
312	122036	TRỊNH NHƯ THẢO	04/01/2005	Nữ	1	34.25	
313	122043	VI BẢO THOA	05/08/2005	Nữ	1	30.25	
314	122044	NGUYỄN THOẠI	26/03/2005	Nam	1	34.5	
315	122046	ĐẶNG NGUYỄN ANH THƯ	27/11/2005	Nữ	1	34.75	
316	122047	ĐINH NGỌC ANH THƯ	16/06/2005	Nữ	1	35.25	
317	122050	NGUYỄN BÙI KIM THƯ	24/09/2005	Nữ	1	32	
318	122051	NGUYỄN ĐẶNG MINH THƯ	18/10/2005	Nữ	1	28.5	
319	122052	NGUYỄN ĐÀO ANH THƯ	02/10/2005	Nữ	1	28.25	
320	122055	NGUYỄN MINH THƯ	23/05/2005	Nữ	1	39.75	
321	122056	NGUYỄN NGỌC ANH THƯ	16/07/2005	Nữ	1	31.5	
322	122060	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	16/04/2005	Nữ	1	31.25	
323	122061	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	22/04/2005	Nữ	1	37.5	
324	122064	LÂM QUỐC THUẦN	15/04/2005	Nam	1	33.75	
325	122065	ĐẶNG NGUYỄN MINH THUẬN	22/05/2005	Nam	1	30	
326	122076	NGUYỄN NGỌC MỸ TIÊN	25/01/2005	Nữ	1	32.5	
327	122090	LÊ HUYỀN TRÂN	31/08/2005	Nữ	2	34.25	
328	122098	NGUYỄN ĐỨC TRÍ	17/03/2005	Nam	1	35.5	
329	122099	NGUYỄN HIỀN TRÍ	02/10/2005	Nam	1	30.5	
330	122101	NGUYỄN HỮU TRÍ	11/03/2005	Nam	1	39.75	
331	122102	NGUYỄN QUỐC TRÍ	17/06/2005	Nam	2	34.75	
332	122105	ĐOÀN MINH TRIẾT	29/03/2005	Nam	1	31.75	
333	122113	NGUYỄN NGỌC THANH TRÚC	16/03/2005	Nữ	1	37	
334	122116	TRẦN THANH TRÚC	16/04/2005	Nữ	1	34	
335	122117	VÕ NGỌC TRÚC	29/03/2005	Nữ	1	30.5	
336	122118	LÝ ANH TRUNG	07/09/2005	Nam	1	36	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN KHUYẾN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
337	122122	PHẠM NGUYỄN TRƯỜNG	07/01/2005	Nam	1	27.75	
338	122131	ĐÀM VĨNH TUẤN	09/11/2005	Nam	1	38	
339	122133	HUỲNH GIA TUẤN	29/04/2005	Nam	1	38.25	
340	122155	TRẦN QUÝ THANH VÂN	30/10/2005	Nữ	1	27.75	
341	122160	NGUYỄN PHẠM TƯỜNG VI	09/10/2005	Nữ	2	34.25	
342	122162	PHẠM HOÀNG VIỆT	02/05/2005	Nam	1	36.5	
343	122167	NGUYỄN MINH VŨ	03/06/2005	Nam	1	31.5	
344	122169	PHAN HOÀNG VŨ	05/08/2005	Nam	1	33.75	
345	122173	CHAP NGUYỄN PHƯƠNG VY	30/01/2005	Nữ	1	38.75	
346	122175	ĐOÀN HUỲNH TRÚC VY	26/04/2005	Nữ	1	34.5	
347	122181	NGUYỄN ĐỖ THANH VY	13/09/2005	Nữ	1	33.75	
348	122182	NGUYỄN HOÀNG BẢO VY	21/12/2005	Nữ	1	28.5	
349	122189	TRƯƠNG BẢO VY	24/09/2005	Nữ	1	31.5	
350	122191	NGÔ NGỌC NHƯ Ý	10/10/2005	Nữ	1	31.75	
351	122195	NGUYỄN HỒNG YẾN	14/06/2005	Nữ	1	28	
352	122198	HUỲNH ĐẠI AN	14/12/2005	Nam	1	40.25	
353	122202	NGUYỄN KHÁNH AN	10/09/2005	Nữ	1	34	
354	122204	NGUYỄN NHẬT AN	28/07/2005	Nam	1	33.5	
355	122208	TRƯƠNG THỊ THANH AN	05/11/2005	Nữ	1	32.5	
356	122231	LƯU TUYẾT ANH	07/06/2005	Nữ	2	31.25	
357	122232	NGÔ THỤY HỒNG ANH	29/07/2005	Nữ	2	36.5	
358	122236	NGUYỄN LÊ BẢO ANH	04/08/2005	Nữ	1	36.5	
359	122237	NGUYỄN PHÚC MINH ANH	22/03/2005	Nữ	1	36.5	
360	122240	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	20/11/2005	Nữ	1	34	
361	122246	PHẠM HOÀNG ANH	16/03/2005	Nam	1	31	
362	122253	TRẦN THỊ MINH ANH	23/08/2005	Nữ	1	37	
363	122255	VÕ ĐOÀN NHẬT ANH	03/07/2005	Nữ	1	29.75	
364	122256	LÃ THIÊN ÁNH	26/05/2005	Nữ	1	33	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN KHUYẾN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
365	122258	TRẦN THỊ MINH ÁNH	23/08/2005	Nữ	1	32	
366	122259	ĐÀO XUÂN BÁCH	09/12/2005	Nam	1	33.5	
367	122268	TRẦN GIA BẢO	11/11/2005	Nam	1	33.75	
368	122269	TRẦN GIA BẢO	28/03/2005	Nam	1	34.75	
369	122273	TRƯƠNG GIA BẢO	14/06/2005	Nam	1	39.5	
370	122282	NGUYỄN LƯU KHẢI BÌNH	19/04/2005	Nữ	2	28	
371	122289	NGUYỄN BẢO CHÂU	21/02/2005	Nữ	1	37.5	
372	122290	NGUYỄN NGỌC BẢO CHÂU	31/08/2005	Nữ	1	33.25	
373	122291	NGUYỄN NGỌC HUYỀN CHÂU	03/11/2005	Nữ	1	30.25	
374	122293	TĂNG HỮU KHÁNH CHI	30/10/2005	Nữ	1	28.75	
375	122297	ĐẶNG NGUYỄN CƯỜNG	12/10/2005	Nam	1	33.5	
376	122306	TRẦN HẢI ĐĂNG	18/09/2005	Nam	2	29	
377	122314	NGŨ TẤN ĐẠT	05/11/2005	Nam	1	29.25	
378	122321	VU NGOC DESTINY	11/02/2005	Nữ	1	37	
379	122332	NGUYỄN VĂN ĐỨC	24/09/2005	Nam	1	30.25	
380	122335	NGUYỄN THỊ DUNG	07/07/2005	Nữ	1	28.5	
381	122342	TRẦN TRUNG DŨNG	24/11/2005	Nam	1	39.25	
382	122346	VÕ NGỌC THÙY DƯƠNG	02/09/2005	Nữ	2	29.5	
383	122349	ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG DUY	04/10/2005	Nam	2	33.5	
384	122354	LÊ THÀNH DUY	20/11/2005	Nam	2	30.25	
385	122357	ÂU DƯƠNG PHƯỚC DUYÊN	24/03/2005	Nữ	2	35.25	
386	122358	LÊ XUÂN DUYÊN	12/09/2005	Nữ	1	31.25	
387	122372	NGUYỄN HOÀNG HẢI	27/11/2005	Nam	1	38	
388	122376	ĐỖ NGỌC HÂN	10/04/2005	Nữ	1	35	
389	122377	HÀ GIA HÂN	08/06/2005	Nữ	1	36.25	
390	122380	LÊ HOÀNG GIA HÂN	30/11/2005	Nữ	2	35.75	
391	122386	NGÔ BẢO HÂN	07/09/2005	Nữ	1	28.5	
392	122394	NGUYỄN TRƯƠNG GIA HÂN	24/08/2005	Nữ	1	39.5	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN KHUYẾN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
393	122396	TRẦN NGỌC BẢO HÂN	12/05/2005	Nữ	1	30	
394	122410	TRẦN TRUNG HẬU	29/07/2005	Nam	1	34.25	
395	122419	NGUYỄN HỮU ANH HOÀ	11/02/2005	Nam	2	30.75	
396	122429	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	29/06/2005	Nam	2	29.25	
397	122439	BỒ KHÁNH HÙNG	05/09/2005	Nam	1	29.5	
398	122450	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	06/07/2005	Nữ	1	29.75	
399	122465	MẠCH VĨNH HUY	04/09/2005	Nam	1	38.75	
400	122467	NGÔ VŨ NHẬT HUY	23/04/2005	Nam	1	33.75	
401	122468	NGUYỄN ĐẮC THANH HUY	29/04/2005	Nam	1	33.25	
402	122469	NGUYỄN GIA HUY	27/05/2005	Nam	2	31.5	
403	122472	NGUYỄN KHẢI HUY	03/10/2005	Nam	1	29.25	
404	122473	NGUYỄN QUANG HUY	05/02/2005	Nam	1	27.75	
405	122474	NGUYỄN QUANG HUY	19/04/2005	Nam	1	36.25	
406	122477	NGUYỄN VÕ MINH HUY	30/01/2005	Nam	1	27.75	
407	122491	HUỲNH CHẤN KHẢI	29/09/2005	Nam	1	39	
408	122494	CHẾ MINH KHANG	26/02/2005	Nam	1	28	
409	122506	TRẦN CHÍ KHANG	12/10/2005	Nam	1	31.75	
410	122510	TRẦN VĨ KHANG	09/05/2005	Nam	1	28	
411	122517	TRẦN PHƯƠNG KHANH	09/05/2005	Nữ	1	28	
412	122523	TRẦN DƯƠNG NGỌC KHÁNH	07/12/2005	Nữ	1	32	
413	122526	LÊ ANH KHOA	22/06/2005	Nam	1	30.75	
414	122531	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	24/07/2005	Nam	1	43.25	
415	122545	NGUYỄN HOÀNG ANH KHÔI	08/02/2005	Nam	1	29.25	
416	122555	TRẦN TRUNG KIÊN	29/07/2005	Nam	1	30	
417	122572	NGÔ QUỲNH LAM	10/11/2005	Nữ	1	38.25	
418	122578	PHAN ĐỨC LÂM	23/05/2005	Nam	1	35.25	
419	122581	NGUYỄN THANH NGỌC LAN	17/11/2005	Nữ	2	36	
420	122595	NGUYỄN HÀ YẾN LINH	05/10/2005	Nữ	1	37.5	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN KHUYẾN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
421	122601	TRƯƠNG NGỌC YẾN LINH	04/01/2005	Nữ	1	37.75	
422	122607	VŨ PHƯỚC LỘC	27/05/2005	Nam	1	37	
423	122617	TRẦN LÊ BẢO LONG	24/08/2005	Nam	1	29.75	
424	122618	TRẦN NHẬT HOÀNG LONG	24/03/2005	Nam	1	31	
425	122630	NGUYỄN PHƯƠNG MAI	01/02/2005	Nữ	1	28.25	
426	122644	ĐỒNG QUANG MINH	28/02/2005	Nam	1	29	
427	122645	DƯƠNG CHÍ MINH	27/05/2005	Nam	1	31.5	
428	122648	NGUYỄN MINH	22/07/2005	Nam	2	35.75	
429	122657	DƯƠNG NGỌC TRÀ MY	16/05/2005	Nữ	1	40.5	
430	122658	GIANG TIÊU MY	04/08/2005	Nữ	1	36.25	
431	122670	PHẠM NGUYỄN HOÀI NAM	25/07/2005	Nam	1	30.75	
432	122679	LÊ HOÀNG YẾN NGÂN	10/08/2005	Nữ	1	34.75	
433	122683	NGUYỄN ĐÌNH BẢO NGÂN	18/12/2004	Nữ	1	29.25	
434	122684	NGUYỄN NGỌC KIM NGÂN	01/07/2005	Nữ	1	37.75	
435	122690	TRẦN KIM NGÂN	12/09/2005	Nữ	1	40.25	
436	122702	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG NGHI	03/05/2005	Nữ	1	38.75	
437	122711	BÙI LÊ HỒNG NGỌC	05/08/2005	Nữ	1	32.75	
438	122713	ĐẶNG NHƯ NGỌC	08/08/2005	Nữ	1	30.5	
439	122736	TRẦN BÌNH NGUYỄN	24/06/2005	Nam	1	37.75	
440	122738	TRẦN THẢO NGUYỄN	15/07/2005	Nữ	2	35.75	
441	122744	NGUYỄN MINH NHẬT	01/04/2005	Nam	1	29.5	
442	122747	ĐOÀN THỊ YẾN NHI	10/07/2005	Nữ	1	35.5	
443	122748	DƯƠNG YẾN NHI	12/12/2005	Nữ	1	35.75	
444	122751	LÂM YẾN NHI	20/07/2005	Nữ	1	35.5	
445	122752	LOÁC NGỌC NHI	04/02/2005	Nữ	1	41.75	
446	122760	NGUYỄN NGỌC UYÊN NHI	08/02/2005	Nữ	1	32.75	
447	122762	NGUYỄN THIÊN NHI	03/07/2005	Nữ	1	38.25	
448	122776	TRƯƠNG LÊ THẢO NHI	22/09/2005	Nữ	1	32.75	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN KHUYẾN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
449	122778	VÕ YẾN NHI	19/03/2005	Nữ	1	29.25	
450	122781	ĐÀO MÃN NHƯ	24/10/2005	Nữ	1	32	
451	122785	NGUYỄN ĐỨC QUỲNH NHƯ	19/01/2005	Nữ	1	32.25	
452	122794	TRẦN NGỌC QUỲNH NHƯ	20/06/2005	Nữ	1	34.25	
453	122800	NGUYỄN NGỌC TUYẾT NHUNG	13/01/2005	Nữ	1	35	
454	122817	NGUYỄN ĐỨC AN PHONG	02/11/2005	Nam	2	31.75	
455	122826	NGUYỄN MẠNH PHÚ	21/06/2005	Nam	1	31.75	
456	122834	LÊ HOÀNG PHÚC	15/03/2005	Nam	1	36.75	
457	122844	TRƯƠNG THANH PHÚC	26/08/2005	Nam	1	30.75	
458	122845	VÕ TRẦN NGUYỄN PHÚC	03/07/2005	Nam	1	34	
459	122846	VŨ THÀNH PHÚC	18/11/2005	Nam	1	34.25	
460	122865	HUỲNH MINH QUÂN	04/10/2005	Nam	1	30	
461	122866	LÊ HOÀNG MINH QUÂN	28/09/2005	Nam	1	36	
462	122868	PHẠM MINH QUÂN	14/12/2005	Nam	1	28	
463	122871	TRẦN LÊ ANH QUÂN	30/06/2005	Nam	1	28.75	
464	122874	DƯƠNG VŨ MINH QUANG	06/07/2005	Nam	1	29	
465	122877	LÊ PHƯƠNG QUANG	17/10/2005	Nam	2	35	
466	122890	TRẦN PHƯƠNG QUYÊN	18/11/2005	Nữ	2	28.75	
467	122899	NGUYỄN HUY SAN	26/05/2005	Nam	1	39.75	
468	122902	ĐÀO QUỐC SĨ	13/09/2005	Nam	1	39	
469	122911	LÝ TẤN TÀI	24/09/2005	Nam	1	30	
470	122933	NGUYỄN XUÂN MẠNH TÂN	03/07/2005	Nam	1	31	
471	122938	TRƯƠNG ĐÌNH THẮNG	28/05/2005	Nam	1	31.25	
472	122952	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG THẢO	28/12/2005	Nữ	1	31.5	
473	122958	TRẦN NGUYỄN THANH THẢO	17/06/2005	Nữ	1	32.75	
474	122959	NGUYỄN THIÊN THI	21/04/2005	Nữ	1	34.25	
475	122960	LÊ THANH THIÊN	06/05/2005	Nam	1	37	
476	122964	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	10/06/2005	Nam	2	34.75	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN KHUYẾN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
477	122974	TRẦN LÊ NGỌC THỊNH	01/07/2005	Nam	1	31.25	
478	122976	VŨ LÊ TRƯỜNG THỊNH	01/10/2005	Nam	1	40.75	
479	122981	HUỲNH NGUYỄN MINH THU'	11/11/2005	Nữ	1	30.25	
480	122983	LÊ MINH THU'	06/08/2005	Nữ	2	29.25	
481	122986	NGUYỄN NGỌC ANH THU'	16/06/2005	Nữ	1	27.5	
482	122987	NGUYỄN NGỌC ANH THU'	21/01/2005	Nữ	2	32.75	
483	122989	NGUYỄN THANH THU'	08/11/2005	Nữ	1	35.75	
484	122998	TRƯƠNG NGỌC MINH THU'	02/09/2005	Nữ	1	29.5	
485	123018	VÕ ANH THY	21/06/2005	Nữ	1	29	
486	123025	TRẦN THẢO TIÊN	06/11/2005	Nữ	1	32	
487	123030	MÃ NHẬT TIẾN	06/06/2005	Nam	1	40.5	
488	123035	NGUYỄN TRUNG TÍN	10/06/2005	Nam	1	36.25	
489	123039	HỒ QUỲNH TRÂM	25/05/2005	Nữ	2	33.5	
490	123040	HUỲNH NGỌC TRÂM	12/12/2005	Nữ	1	33	
491	123044	NGUYỄN THÙY TRÂM	07/04/2005	Nữ	1	39.25	
492	123047	ĐẶNG NGUYỄN BẢO TRÂN	26/12/2005	Nữ	1	38.25	
493	123054	NGUYỄN THỊ THẢO TRÂN	16/08/2005	Nữ	1	33.75	
494	123066	BÙI ĐÌNH TRÍ	12/07/2005	Nam	1	33.75	
495	123073	PHAN ĐỨC TRÍ	31/05/2005	Nam	1	39.5	
496	123079	ĐỖ HẠNH TRINH	17/07/2005	Nữ	1	37.5	
497	123108	HUỲNH XƯƠNG TÙNG	12/03/2005	Nam	1	33.5	
498	123109	NGUYỄN QUANG TÙNG	08/11/2005	Nam	1	36.25	
499	123112	NHIÊU LẬP CÁT TƯỜNG	16/05/2005	Nữ	1	34	
500	123116	TRẦN NGỌC THANH TUYỀN	25/01/2005	Nữ	1	33	
501	123124	ĐINH HOÀNG MAI VÂN	14/01/2005	Nữ	2	36	
502	123125	GIANG PHI VÂN	24/08/2005	Nữ	1	39.75	
503	123128	MAI THỊ HỒNG VÂN	19/01/2005	Nữ	1	28.75	
504	123132	TRẦN THANH VÂN	31/12/2005	Nữ	1	31.25	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN KHUYẾN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
505	123135	PHAN THẢO VI	25/11/2005	Nữ	1	43.25	
506	123138	LÊ NGUYỄN BẢO VIỆT	20/03/2005	Nam	1	32	
507	123139	NGÔ QUỐC VIỆT	10/11/2005	Nam	1	31.5	
508	123145	LẠI PHƯỚC VINH	30/10/2005	Nam	1	41.25	
509	123149	NGUYỄN TRIỀU QUANG VINH	14/01/2005	Nam	1	28.5	
510	123166	HỒ NGUYỄN UYÊN VY	30/07/2005	Nữ	1	33.25	
511	123179	NGUYỄN ÁI VY	09/06/2005	Nữ	1	35.5	
512	123189	NGUYỄN TƯỜNG VY	07/04/2005	Nữ	1	33.5	
513	123191	PHẠM NGUYỄN THẢO VY	26/07/2005	Nữ	1	38.75	
514	123207	NGUYỄN NHẬT YÊN	09/05/2005	Nữ	2	33	
515	123208	LÊ HOÀNG YẾN	09/06/2005	Nữ	1	29	
516	123229	VŨ LÊ KHÁNH AN	22/11/2005	Nữ	1	29.5	
517	123243	LUU DIỄM ANH	18/06/2005	Nữ	1	39.25	
518	123258	NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG ÁNH	12/11/2005	Nữ	2	35.25	
519	123265	DƯƠNG NGỌC BẢO	29/01/2005	Nam	1	36	
520	123307	NGUYỄN TUẤN CƯỜNG	07/01/2005	Nam	1	34.25	
521	123354	ĐỖ MINH ĐỨC	22/04/2005	Nam	2	36.5	
522	123364	NGUYỄN TIẾN DŨNG	05/10/2005	Nam	1	32.75	
523	123374	HUỖNH CÔNG DUY	02/06/2005	Nam	2	31.25	
524	123377	PHẠM NGUYỄN NHẬT DUY	01/03/2005	Nam	1	37.25	
525	123378	TÔ KHƯƠNG DUY	05/07/2005	Nam	1	33	
526	123390	LÊ HƯƠNG GIANG	22/03/2005	Nữ	1	36.5	
527	123397	HUỖNH THANH HÀ	24/04/2005	Nữ	1	30.5	
528	123426	ĐOÀN MỸ HẰNG	09/10/2005	Nữ	1	33.25	
529	123443	LAI GIA HẢO	05/09/2005	Nữ	1	30.25	
530	123480	LÊ MINH HUY	20/03/2005	Nam	1	39.25	
531	123490	NGUYỄN TẤN GIA HUY	26/05/2005	Nam	1	31.25	
532	123526	PHẠM XUÂN KHANG	13/01/2005	Nam	1	35.25	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN KHUYẾN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
533	123537	VÕ THỤY HỒNG KHANH	14/06/2005	Nữ	1	36.5	
534	123559	LÊ NHẬT NGUYỄN KHÔI	03/12/2005	Nam	1	28.25	
535	123575	LÊ PHAN TUẤN KIẾT	10/08/2005	Nam	1	33	
536	123594	LIÊU MINH LÂM	04/12/2005	Nam	1	38.25	
537	123713	LÊ MỸ NGHI	16/09/2005	Nữ	2	37.5	
538	123793	LÊ NGỌC QUỲNH NHƯ	14/04/2005	Nữ	1	38	
539	123861	NGUYỄN TRỌNG PHÚC	30/09/2005	Nam	1	29.5	
540	123892	LÊ THIÊN QUANG	12/09/2005	Nam	2	32.25	
541	123900	TRẦN MINH QUANG	31/05/2005	Nam	1	31.75	
542	123908	HÀ KIM QUYÊN	11/02/2005	Nữ	2	35.25	
543	123922	MẠCH UYỄN SAN	13/11/2005	Nữ	1	29	
544	123928	LÊ MINH SANG	20/04/2005	Nam	1	31.5	
545	123964	LÊ PHƯỚC THÀNH	02/02/2005	Nam	1	32	
546	124020	NGUYỄN NHƯ THÙY	09/01/2005	Nữ	1	40.25	
547	124022	TRƯƠNG THỊ THANH THỦY	08/04/2005	Nữ	1	28.25	
548	124034	PHẠM NGUYỄN THỦY TIÊN	29/09/2005	Nữ	2	37	
549	124057	HUỲNH NGỌC BẢO TRÂN	02/04/2005	Nữ	1	35.75	
550	124074	PHAN THANH TRÍ	16/08/2005	Nam	1	34.5	
551	124140	NGUYỄN VIỆT	15/07/2005	Nam	1	34.75	
552	124151	HÀNG YẾN VY	19/10/2005	Nữ	1	38.5	
553	124221	NGUYỄN ĐÌNH KHÁNH ANH	13/10/2005	Nữ	2	37.25	
554	124223	NGUYỄN HỒ MAI ANH	05/02/2005	Nữ	1	35.5	
555	124227	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG ANH	10/03/2005	Nữ	3	31.25	
556	124239	TRẦN MINH ANH	30/07/2005	Nữ	2	37.25	
557	124296	TRẦN LINH ĐAN	22/12/2005	Nữ	1	35	
558	124333	LÂM KHẢ DOANH	26/10/2005	Nữ	2	30	
559	124357	ĐÀO PHONG DƯƠNG	23/01/2005	Nam	1	29.75	
560	124360	NGUYỄN TRIỀU HẢI DƯƠNG	21/09/2005	Nam	1	31.25	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN KHUYẾN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
561	124379	NGUYỄN THỊ NGÂN GIANG	01/06/2005	Nữ	1	32	
562	124433	TRẦN THANH HÀO	01/02/2005	Nam	1	29	
563	124438	HỒ PHẠM THANH HIỀN	26/08/2005	Nữ	1	32.25	
564	124499	ĐỖ MẠNH TUẤN HUY	15/01/2005	Nam	1	28.75	
565	124519	TRẦN GIA HUY	28/11/2005	Nam	1	42.75	
566	124520	TRẦN QUANG HUY	05/09/2005	Nam	1	31	
567	124524	VÕ VŨ GIA HUY	01/01/2005	Nam	1	31	
568	124572	ĐÀO NGUYỄN ANH KHOA	16/08/2005	Nam	2	37.75	
569	124660	TRỊNH GIA LỢI	11/11/2005	Nữ	1	32.25	
570	124684	ĐỖ HOÀNG TRÚC MAI	15/07/2005	Nữ	1	29.5	
571	124687	TRẦN LÊ MAI	07/07/2005	Nữ	1	36.25	
572	124717	HÀ BỘI MY	03/05/2005	Nữ	1	38.75	
573	124720	NGUYỄN LÊ THẢO MY	17/05/2005	Nữ	1	29.5	
574	124744	ĐẶNG NGUYỄN THU NGÂN	13/08/2005	Nữ	1	33.5	
575	124818	DƯƠNG ĐÔNG NGUYÊN	08/12/2005	Nam	1	30	
576	124835	HOÀNG LƯU THANH NHÃ	09/08/2005	Nữ	1	42	
577	124915	NGUYỄN HỮU PHÁT	22/03/2005	Nam	1	36.75	
578	124951	CHÂU VĨNH PHÚC	15/09/2005	Nam	1	27.5	
579	124955	LÊ HỒNG PHÚC	02/03/2005	Nam	2	30.5	
580	124957	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	31/05/2005	Nam	1	33	
581	124974	TĂNG MỸ PHỤNG	17/12/2005	Nữ	1	32.5	
582	124991	NGUYỄN MAI HOÀI PHƯƠNG	13/01/2005	Nữ	1	27.5	
583	124992	NGUYỄN NGỌC MAI PHƯƠNG	25/02/2005	Nữ	1	39.5	
584	125015	TRẦN VINH QUANG	03/12/2005	Nam	2	34.75	
585	125029	KHÁU HOÀNG PHƯƠNG QUỲNH	01/10/2005	Nữ	1	28	
586	125031	NGUYỄN NGỌC NHƯ QUỲNH	31/01/2005	Nữ	1	27.75	
587	125035	TRƯƠNG THỊ XUÂN QUỲNH	15/12/2005	Nữ	1	30.25	
588	125114	ĐỖ NGUYỄN THANH THẢO	20/11/2005	Nữ	1	27.75	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN KHUYẾN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
589	125154	LÊ NGỌC MINH THU'	14/08/2005	Nữ	1	39	
590	125161	NGUYỄN MINH THU'	06/05/2005	Nữ	1	31.25	
591	125166	PHẠM THỊ THANH THU'	10/09/2005	Nữ	1	34.25	
592	125204	VÕ TUYẾT TRÂM	07/05/2005	Nữ	1	36.25	
593	125229	HƯƠNG THÍCH TRÍ	24/08/2005	Nam	1	34.25	
594	125266	PHẠM TRƯỜNG ANH TÚ	04/09/2005	Nam	2	31.25	
595	125316	NGUYỄN NGỌC KHÁNH VÂN	02/05/2005	Nữ	1	38.75	
596	125347	TRẦN THẾ VINH	13/02/2005	Nam	1	28	
597	125382	HỒNG NHƯ Ý	11/03/2005	Nữ	1	31.25	
598	129341	NGUYỄN ANH THU'	03/03/2005	Nữ	1	29.25	
599	129869	HỒ NGỌC PHƯƠNG NHƯ'	25/07/2005	Nữ	1	39	
600	135541	VÕ BẢO AN	04/07/2005	Nam	1	31	
601	139267	PHẠM LÊ NHẬT NGUYỄN	04/08/2005	Nam	2	32.25	
602	139657	ĐẶNG LÊ TRÂM ANH	08/05/2005	Nữ	2	36.75	
603	139700	PHẠM VŨ QUỐC BẢO	01/02/2005	Nam	2	33.75	
604	139956	LÊ HOÀNG KHÁNH NGỌC	13/08/2005	Nữ	2	34	
605	140002	NGUYỄN QUỲNH NHƯ'	21/09/2005	Nữ	2	32.5	
606	140042	TRẦN MINH QUÂN	09/08/2005	Nam	2	28.75	
607	140191	PHÙNG MINH VŨ	17/10/2005	Nam	2	33	
608	140240	ĐỖ THIÊN ÂN	04/06/2005	Nam	2	37.5	
609	140302	NGUYỄN HUỲNH HÀ ANH	30/07/2005	Nữ	2	37.75	
610	140317	NGUYỄN QUỲNH ANH	31/01/2005	Nữ	2	38.75	
611	140351	VÕ HOÀNG PHÚC ANH	27/06/2005	Nam	1	31.75	
612	140385	TRỊNH HOÀNG BẢO	01/04/2005	Nam	1	38	
613	140403	TRẦN QUỐC BÌNH	21/01/2005	Nam	1	37	
614	140455	ĐỖ THÀNH ĐẠT	30/05/2005	Nam	1	32.75	
615	140530	NGUYỄN ĐỨC DUY	22/11/2005	Nam	2	39.75	
616	140553	NGUYỄN NGỌC TRÚC DUYÊN	22/01/2005	Nữ	1	33	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN KHUYẾN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
617	140556	CHẾ ĐÌNH LAM GIANG	10/07/2005	Nam	2	31.75	
618	140586	LÊ GIA HÂN	28/12/2005	Nữ	2	28.25	
619	140587	LÊ PHƯƠNG BẢO HÂN	29/03/2005	Nữ	2	36.5	
620	140595	NGUYỄN NGỌC BẢO HÂN	29/08/2005	Nữ	1	29.5	
621	140603	TRẦN BẢO HÂN	11/11/2005	Nữ	1	39.25	
622	140607	TRẦN LÊ KHÁNH HÂN	26/12/2005	Nữ	2	32.75	
623	140608	TRẦN MAI GIA HÂN	19/09/2005	Nữ	2	32.75	
624	140619	NGUYỄN THU HẰNG	13/05/2005	Nữ	1	32	
625	140675	HỒ PHI HOÀNG	18/10/2005	Nam	1	31	
626	140707	WANG KỶ HÙNG	16/08/2005	Nam	1	28.5	
627	140740	LÂM GIA HUY	20/07/2005	Nam	2	38	
628	140759	PHẠM GIA HUY	05/05/2005	Nam	1	32	
629	140766	VŨ ĐỨC ANH HUY	26/04/2005	Nam	3	31.75	
630	140858	PHẠM ĐÌNH ĐĂNG KHOA	19/04/2005	Nam	1	28	
631	140869	VÕ HÀ MINH KHOA	19/07/2005	Nam	1	30.5	
632	140873	BÙI QUANG KHÔI	25/07/2005	Nam	1	39.25	
633	140882	NGUYỄN MINH KHÔI	17/05/2005	Nam	2	40.5	
634	140907	CHUNG THẾ KIỆT	11/02/2005	Nam	1	36	
635	140912	KIỀU GIA KIỆT	10/02/2005	Nam	1	37.5	
636	140921	TRẦN HÀO KIỆT	18/09/2005	Nam	1	37	
637	140922	TRẦN TUẤN KIỆT	23/01/2005	Nam	1	31.75	
638	140934	NGUYỄN NGỌC THƯ KỶ	19/06/2005	Nữ	1	34.75	
639	140936	HUỶNH GIA LẠC	28/06/2005	Nam	1	33	
640	140992	NGUYỄN THIÊN LỘC	24/03/2005	Nam	2	35.5	
641	140995	PHAN NGUYỄN THÀNH LỘC	15/07/2005	Nam	1	33.25	
642	141019	CAO BÙI THẢO LY	23/11/2005	Nữ	1	31.25	
643	141042	LÊ GIA MINH	13/11/2005	Nam	2	30.25	
644	141050	NGUYỄN ĐỨC MINH	06/01/2005	Nam	1	30.25	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN KHUYẾN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
645	141069	NGUYỄN HOÀNG ÁI MY	11/04/2005	Nữ	2	33	
646	141083	ĐOÀN HOÀNG NAM	25/05/2005	Nam	2	38.5	
647	141085	NGUYỄN HOÀNG NHẬT NAM	24/05/2005	Nam	2	29.75	
648	141105	NGUYỄN KIM NGÂN	27/05/2005	Nữ	2	36.25	
649	141139	NGUYỄN TẮT PHƯƠNG NGHI	24/08/2005	Nữ	1	33.75	
650	141142	PHẠM NGUYỄN GIA NGHI	22/07/2005	Nữ	1	32.25	
651	141158	HOÀNG KHÁNH NGỌC	21/03/2005	Nữ	1	35	
652	141240	DƯƠNG TRẦN ÁNH NHI	29/04/2005	Nữ	2	36	
653	141248	LÊ PHAN NGỌC NHI	17/05/2005	Nữ	1	32.25	
654	141295	VÕ NGUYỄN QUỲNH NHƯ	08/08/2005	Nữ	1	36.75	
655	141338	HOÀNG NHƯ PHÚC	11/11/2005	Nữ	1	34	
656	141347	NGUYỄN GIA PHÚC	09/12/2005	Nam	1	32.5	
657	141352	NGUYỄN HỒNG PHÚC	10/07/2005	Nữ	2	36.75	
658	141371	ĐẶNG LÊ HỮU PHƯỚC	12/07/2005	Nam	1	31.75	
659	141372	HỒ THIÊN PHƯỚC	29/09/2005	Nam	1	33.5	
660	141375	NHAN VĨNH PHƯỚC	27/09/2005	Nam	2	31.75	
661	141384	NGUYỄN NGỌC MỸ PHƯƠNG	21/03/2005	Nữ	1	36.25	
662	141386	NGUYỄN QUANG HOÀNG PHƯƠNG	27/01/2005	Nữ	1	38	
663	141413	TRẦN MINH QUÂN	01/03/2005	Nam	2	33.5	
664	141418	ĐỖ MINH QUANG	28/06/2005	Nam	1	37	
665	141436	TRẦN ĐÌNH NGỌC PHÚ QUÝ	18/11/2005	Nam	2	30.25	
666	141457	PHẠM NGỌC DIỄM QUỲNH	06/09/2005	Nữ	1	34.5	
667	141493	DƯƠNG HỒNG TÂN	25/11/2005	Nam	2	36.25	
668	141541	PHAN NGUYỄN THANH THẢO	06/06/2005	Nữ	2	37.75	
669	141573	VÕ HÀ THÔNG	12/10/2005	Nam	2	28.5	
670	141576	PHAN HUY THỐNG	06/10/2005	Nam	2	29.5	
671	141591	NGÔ THỊ ANH THU	23/06/2005	Nữ	2	32.25	
672	141598	NGUYỄN NGỌC ANH THU	14/06/2005	Nữ	1	28.75	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN KHUYẾN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
673	141601	NGUYỄN NHÃ THU'	11/10/2005	Nữ	1	40.25	
674	141606	PHẠM ANH THU'	20/02/2005	Nữ	2	36.75	
675	141655	LA PHƯƠNG THY	26/11/2005	Nữ	1	32.5	
676	141688	KIỀU LÊ PHƯƠNG TRÂM	30/11/2005	Nữ	2	36	
677	141779	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	14/01/2005	Nam	2	37	
678	141785	CHÂU NHẬT TRƯỜNG	24/05/2005	Nam	1	33	
679	141795	DƯƠNG NGỌC TUẤN	25/11/2004	Nam	1	27.5	
680	141826	HOÀNG PHƯƠNG UYÊN	19/11/2005	Nữ	1	37	
681	141986	NGUYỄN MAI THIÊN ÂN	02/09/2005	Nữ	1	30	
682	142064	LÊ GIA BẢO	14/09/2005	Nam	1	29	
683	142138	PHAN NGUYỄN THỊNH ĐẠT	18/04/2005	Nam	1	35.75	
684	142203	TRƯƠNG HOÀNG DUY	02/09/2005	Nam	1	38	
685	142400	NGUYỄN NGỌC KHIÊM	01/09/2005	Nam	2	38	
686	142572	HỒ BÍCH NGÂN	13/05/2005	Nữ	1	38.75	
687	142873	LÊ HUỲNH XUÂN THANH	25/06/2005	Nữ	1	34.25	
688	142950	TÔ VŨ ANH THU'	17/12/2005	Nữ	1	35.75	
689	143026	NGUYỄN LÂM TÚ TRANG	05/04/2005	Nữ	1	31.5	
690	143258	PHẠM NGUYỄN TUẤN ANH	25/03/2005	Nam	1	31.25	
691	143336	LÂM HIỀN ĐĂNG	30/04/2005	Nam	2	30	
692	143390	NGUYỄN ANH DUY	18/11/2005	Nam	1	27.5	
693	143458	TRẦN NGỌC HIẾU	17/07/2005	Nam	1	32.25	
694	143531	NGÔ GIA HY	05/07/2005	Nam	1	36.75	
695	143545	TẠ AN KHANG	28/12/2005	Nam	2	37.5	
696	143646	VŨ NGỌC KHÁNH LINH	28/06/2005	Nữ	1	36	
697	143678	NGUYỄN XUÂN MAI	31/01/2005	Nữ	1	30.75	
698	143707	LÊ NGUYỄN THỤY MY	13/03/2005	Nữ	1	37.75	
699	143877	PHẠM THIÊN PHƯỚC	25/05/2005	Nam	1	28.75	
700	143912	PHẠM NGUYỄN MINH QUANG	15/07/2005	Nam	1	33.75	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN KHUYẾN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
701	143943	ĐỖ HOÀNG MINH TÂM	08/05/2005	Nam	1	29.75	
702	144024	PHẠM QUỐC THỐNG	15/08/2005	Nam	1	31.25	
703	144056	ĐÀM PHƯƠNG THUỶ	27/08/2005	Nữ	1	35.75	
704	144066	ĐẶNG MINH THUYỀN	23/10/2005	Nam	1	34.25	
705	144172	SỬ DUY UYÊN	13/07/2005	Nữ	1	34.75	
706	144219	NGUYỄN TRẦN THẢO VY	27/07/2005	Nữ	2	32	
707	144240	MAI XUÂN YẾN	06/06/2005	Nữ	1	28.5	
708	148664	TRẦN THẢO AN	28/01/2005	Nữ	3	32.25	
709	155735	NGUYỄN ANH THU	25/12/2005	Nữ	1	36	
710	165255	ĐOÀN THỊ THANH QUỶ	22/05/2005	Nữ	2	29.75	
711	165559	TĂNG BẢO ÂN	22/08/2005	Nữ	2	32	
712	165867	VÕ HOÀNG HƠN	20/05/2005	Nam	2	38.75	
713	165893	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	30/07/2005	Nữ	3	34	
714	165943	PHAN PHƯỚC KHANG	01/07/2005	Nam	2	33	
715	166057	NGÔ MINH LUÂN	15/05/2005	Nam	3	37.75	
716	167411	HỒ MINH PHÚC	26/12/2005	Nam	1	30	
717	167841	HUỲNH ÂN ÂN	28/11/2005	Nữ	1	28	
718	168251	VÕ NGUYỄN MINH KHÔI	08/04/2005	Nam	2	36.5	
719	168324	TRẦN BẢO LONG	23/07/2005	Nam	1	31	
720	168421	LÊ QUỲNH BẢO NGỌC	21/12/2005	Nữ	1	33	
721	168723	HÀ HÙNG THỊNH	06/07/2004	Nam	1	27.5	
722	169618	LỮ KIM BẢO NGỌC	14/12/2004	Nữ	2	38	
723	169634	LÊ NGỌC KHÁNH NGUYỄN	05/12/2005	Nữ	1	36.5	
724	169669	ĐỖ HOÀNG YẾN NHI	23/09/2005	Nữ	1	28.75	
725	169823	NGUYỄN ĐĂNG QUÂN	11/01/2005	Nam	1	30.75	
726	169942	NGUYỄN PHAN PHƯƠNG THẢO	18/10/2005	Nữ	1	37	
727	170182	PHẠM NGUYỄN MINH VY	09/06/2005	Nữ	1	31.25	
728	171423	NGUYỄN THANH BẢO NGỌC	08/04/2005	Nữ	1	30.75	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN KHUYẾN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
729	173362	NGUYỄN TRẦN TƯỜNG VI	17/11/2005	Nữ	1	36.5	
730	173580	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	02/02/2005	Nữ	1	33.5	
731	173663	NGUYỄN THÙY LINH	05/07/2005	Nữ	1	31.25	
732	90495	NGUYỄN HỌA MI	29/06/2005	Nữ	2	34.5	
733	91118	VŨ HOÀNG THIÊN LINH	15/04/2005	Nữ	1	35	
734	91417	TÔN THẮT MINH QUÂN	20/02/2005	Nam	2	36	
735	91429	LÊ THU THẢO	24/02/2005	Nữ	2	34.75	
736	9167	VÒNG NGỌC HÂN	22/02/2005	Nữ	1	37	
737	9174	KÓNG THỰC KIẾT	05/02/2005	Nữ	2	37.5	
738	91966	NGUYỄN THÀNH THIỆN	23/06/2005	Nam	2	37.75	
739	9202	HUỲNH ANH THƯ	21/01/2005	Nữ	1	35.25	
740	92127	PHAN HUY KHANH	21/10/2005	Nữ	2	32.5	
741	92217	BÙI THUẬN QUYÊN NHI	25/06/2005	Nữ	2	36	
742	92430	NGUYỄN HUỲNH ANH	12/09/2005	Nữ	2	32.75	
743	92453	PHẠM LÊ QUỲNH ANH	29/11/2005	Nữ	1	40.75	
744	92504	TRẦN NGỌC MINH CHÂU	12/12/2005	Nữ	1	37.75	
745	92536	VŨ QUỐC ĐỊNH	30/12/2005	Nam	1	30	
746	92550	NGUYỄN PHƯƠNG DUNG	22/10/2005	Nữ	2	37.25	
747	92576	LÊ TRẦN THANH GIANG	07/09/2005	Nữ	1	27.75	
748	92615	NGUYỄN HỮU HẢO	01/01/2005	Nam	1	40.5	
749	92629	NGUYỄN VĨNH HOÀNG	18/07/2005	Nam	1	39	
750	92637	NGUYỄN QUỐC HÙNG	07/09/2005	Nam	1	39	
751	92652	HOÀNG QUANG HUY	27/12/2005	Nam	2	35.25	
752	92736	LƯ TẤN KHOA	25/08/2005	Nam	2	36.5	
753	92796	BÙI THỊ THÙY LINH	28/06/2005	Nữ	1	43	
754	92825	NGUYỄN HOÀNG LONG	23/07/2005	Nam	1	37.75	
755	92964	TRẦN NGUYỄN SONG NGUYỄN	02/04/2005	Nữ	2	36.5	
756	92994	LŨ GIA NHI	14/02/2005	Nữ	2	39.25	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN KHUYẾN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
757	93128	LÊ NGUYỄN NGỌC QUỲNH	19/06/2005	Nữ	3	37.75	
758	93167	TRẦN PHÚC TẤN	10/09/2005	Nam	2	35.75	
759	93226	NGUYỄN MINH THU'	14/12/2005	Nữ	2	37.5	
760	93239	TRẦN LƯƠNG ANH THU'	20/07/2005	Nữ	2	35.25	
761	93292	NGUYỄN MỸ TRÂN	23/05/2005	Nữ	2	31.25	
762	93327	LÂM THANH TRÚC	28/02/2005	Nữ	2	35.75	
763	93347	NGUYỄN KHÁNH TUẤN	30/08/2005	Nam	2	34	
764	93379	LÊ QUỲNH MINH VÂN	16/09/2005	Nữ	1	36.75	
765	93418	TRẦN NGUYỄN THẢO VY	20/08/2005	Nữ	2	29.75	
766	93426	LÊ HUỖNH HẢI YẾN	31/01/2005	Nữ	1	36.25	
767	93482	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG ANH	06/10/2005	Nữ	2	36	
768	93492	PHẠM HOÀNG CÁT	04/09/2005	Nam	2	35	
769	93596	TRẦN GIA LINH	19/01/2005	Nữ	2	35	
770	93602	NGUYỄN TRẦN XUÂN MAI	03/02/2005	Nữ	2	28.75	
771	93661	TRẦN HỒNG PHÚC	14/02/2005	Nam	2	33.75	
772	93664	NGUYỄN LƯU KHẢI PHƯƠNG	19/04/2005	Nữ	2	38	
773	93668	NGUYỄN LÊ ANH QUÂN	11/12/2005	Nam	1	38.75	
774	93673	TRẦN ĐỨC QUÝ	07/01/2005	Nam	1	29.25	
775	93685	BÙI HUY THẮNG	15/01/2005	Nam	2	31.75	
776	93828	LÊ PHAN TUẤN KHÔI	23/09/2005	Nam	2	32.25	
777	93887	NGÔ TUẤN PHÁT	16/01/2005	Nam	1	36.5	
778	93915	NGUYỄN THỊ DIỄM THANH	08/06/2005	Nữ	1	38.75	
779	93939	TẠ NGỌC PHƯƠNG TRINH	04/02/2005	Nữ	1	30.5	
780	93961	NGUYỄN TUẤN ANH KHÔI	16/06/2005	Nam	2	34.25	
781	94012	MAI ĐÀO GIA HÂN	01/10/2005	Nữ	3	31	
782	94064	ĐẬU HUỖNH HỒNG PHÚC	03/03/2005	Nữ	1	31.25	
783	94068	PHAN NAM PHƯƠNG	12/08/2005	Nữ	2	39.5	
784	94082	NGUYỄN NGỌC ANH THU'	02/08/2005	Nữ	2	34.5	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN KHUYẾN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
785	94157	TRƯƠNG NGỌC HẢI ANH	08/02/2005	Nữ	2	35.5	
786	94163	LÊ QUANG BẢO	06/03/2005	Nam	1	32.5	
787	94179	NGUYỄN NGỌC BẢO CHÂU	11/06/2005	Nữ	1	28.75	
788	94249	TRẦN TRỌNG HIẾU	13/02/2005	Nam	2	39.5	
789	94265	NGÔ QUANG HÙNG	15/08/2005	Nam	2	35.25	
790	94289	DƯƠNG BÁ KHANG	28/03/2005	Nam	2	39.75	
791	94394	TRẦN KHÁNH NGÂN	09/03/2005	Nữ	2	40.75	
792	94449	NGUYỄN TẤN PHÁT	08/02/2005	Nam	1	38.5	
793	94506	HUỲNH ĐÔNG THÀNH	06/06/2005	Nam	1	40.25	
794	94510	PHONG TUẤN THÀNH	27/04/2005	Nam	2	36.25	
795	94517	NGŨ VĨNH THỊNH	26/10/2005	Nam	2	32.75	
796	94568	NGUYỄN MINH TRIẾT	06/10/2005	Nam	2	39.75	
797	94598	HOÀNG KHÁNH VI	25/11/2005	Nữ	3	33.75	
798	94613	TRẦN HUỲNH NHẬT VY	07/04/2005	Nữ	2	40.75	
799	94660	TẠ NGỌC ÁNH	01/12/2005	Nữ	1	30	
800	94665	TRẦN KHẢ CHÂU	14/07/2005	Nữ	1	28	
801	94680	ĐÀO MINH ĐỨC	09/07/2005	Nam	1	28.75	
802	94723	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	14/07/2005	Nữ	2	34.75	
803	94754	TRƯƠNG NGỌC KHÁNH	29/04/2005	Nữ	2	34.75	
804	94793	VŨ TRẦN NHẬT LINH	24/12/2005	Nữ	2	32.75	
805	94828	LÊ PHƯƠNG NGHI	28/12/2005	Nữ	2	34.25	
806	94847	VŨ LÊ YẾN NGỌC	18/04/2005	Nữ	2	40.25	
807	94852	NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	08/10/2005	Nam	1	34.75	
808	94874	TÔ GIA NHI	17/07/2005	Nữ	1	32.75	
809	94885	ĐỖ THÙY TIỆP NHƯ	22/07/2005	Nữ	1	39.5	
810	94923	NHAN MINH QUANG	06/08/2005	Nam	1	34.25	
811	94956	TRẦN THỊ THANH THẢO	09/10/2005	Nữ	1	33	
812	94957	NGUYỄN ĐÌNH THI	30/06/2005	Nam	2	36.75	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN KHUYẾN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
813	94984	TRƯƠNG BẠCH ANH THU'	08/04/2005	Nữ	2	31.25	
814	95011	LÊ NGỌC DIỄM TRÂM	16/05/2005	Nữ	2	39.5	
815	95362	TRẦN ĐOÀN MINH CÁT	16/06/2005	Nam	2	35.5	
816	95756	NGUYỄN TRẦN NAM PHƯƠNG	14/10/2005	Nữ	2	36.25	
817	95787	PHẠM NGỌC MAI TRINH	04/04/2005	Nữ	2	30.5	